

ĐỀ SỐ 1

Phần 1: Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Đọc đoạn văn sau đây và thực hiện theo yêu cầu bên dưới:

Ai từng tiếp xúc với Nguyên Hồng đều thấy rõ điều này: ông rất dễ xúc động, rất dễ khóc. Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí từng chia buồn sẻ ngọt; khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước; khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại. Khóc cả khi kể lại những khổ đau, oan trái của những nhân vật là những đứa con tinh thần do chính mình “hư cấu” nên.

[...] Ai biết được trong cuộc đời mình, Nguyên Hồng đã khóc bao nhiêu lần! Có thể nói mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt nóng bỏng tình xót thương ép thẳng ra từ trái tim vô cùng nhạy cảm của mình.

- Chỉ ra câu văn nêu ý tổng quát, các câu phát triển ý và câu khái quát lại ý cả đoạn.
- Biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng ở đoạn văn trên là biện pháp gì? Chỉ ra tác dụng của biện pháp ấy.

Câu 2. Ngữ nào sau đây phù hợp để chỉ mối quan hệ giữa những người lao động cùng khổ với nhà văn Nguyên Hồng?

- Cùng đường bí lối
- Cùng hội cùng thuyền
- Cùng bất đắc dĩ
- Cùng trời cuối đất

Câu 3. Nhận xét nào sau đây không phải là điểm khác biệt giữa văn bản Nguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ (Nguyễn Đăng Mạnh) với văn bản Trong lòng mẹ (Nguyên Hồng)?

- Văn bản của Nguyễn Đăng Mạnh là văn bản nghị luận, còn văn bản của Nguyên Hồng là văn bản thể loại hồi kí.
- Văn bản của Nguyễn Đăng Mạnh viết về Nguyên Hồng, văn bản của Nguyên Hồng viết về chính nhà văn.
- Văn bản của Nguyễn Đăng Mạnh và văn bản của Nguyên Hồng được viết ở hai thời điểm khác nhau.
- Văn bản của Nguyễn Đăng Mạnh và văn bản của Nguyên Hồng đều là những văn bản văn xuôi.

Phần 2: Tiếng Việt (3 điểm)

Giải thích nghĩa của các thành ngữ (in đậm) trong những câu dưới đây:

- Giống lớn nhanh như thổi, “**com ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc đã căng đứt chỉ**”. (Bùi Mạnh Nhị)
- Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. (Tô Hoài)

c) Hai đứa trẻ kia bắt tôi mang về làm miếng mồi béo cho con gà chọi, con hoạ mi, con sáo mỏ ngà của chúng xơi ngon. Bọn cá chậu chim lồng ấy mà vợ được món ăn mỡ màng như trứng tôi thế này thì phải biết là thích. (Tô Hoài)

d) Mai sau bề cạn non mòn

À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.

(Bình Nguyên)

e) Ngòi bút của ông dẫn ta đi vào những xóm lao động nghèo đói, lam lũ nhất ngày trước, nơi sống chen chúc những thợ thuyền phu phen, những người buôn thúng bán bưng... (Nguyễn Đăng Mạnh)

Phần 3: Làm văn (4 điểm)

Em hãy viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một trong hai bài thơ lục bát (À ơi tay mẹ, Về thăm mẹ) hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học.

Đáp án đề số 1

Phần 1: Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1.

a)

- Câu văn nêu ý tổng quát: "Ai từng tiếp xúc với Nguyên Hồng đều thấy rõ điều này: ông rất dễ xúc động, rất dễ khóc."

- Câu văn phát triển ý: "Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí từng chia buồn sẻ ngọt; khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước; khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại. Khóc cả khi kể lại những khổ đau, oan trái của những nhân vật là những đứa con tinh thần do chính mình "hư cấu" nên."

- Câu tổng kết: "Có thể nói mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt nóng bỏng tình xót thương ép thẳng ra từ trái tim vô cùng nhạy cảm của mình"

b) - Biện pháp tu từ nổi bật : Ẩn dụ (dòng nước mắt nóng bỏng)

- Tác dụng: nhấn mạnh vào tấm lòng nhân hậu, trái tim dễ rung động và giàu cảm xúc cảm thông với những mảnh đời cùng khổ của ông.

Câu 2.

Đáp án B (Cùng hội cùng thuyền) là thành ngữ phù hợp để chỉ mối quan hệ giữa những người lao động cùng khổ với nhà văn Nguyên Hồng?

Câu 3.

Đáp án D (Văn bản của Nguyễn Đăng Mạnh và văn bản của Nguyên Hồng đều là những văn bản văn xuôi) không phải là điểm khác biệt giữa văn bản Nguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ (Nguyễn Đăng Mạnh) với văn bản Trong lòng mẹ (Nguyên Hồng)?

Phần 2: Tiếng Việt (3 điểm)

Nghĩa của các thành ngữ (in đậm):

- a) Lớn nhanh như thổi: lớn nhanh ở mức không ngờ đến
- b) Hôi như cú mèo (hôi như cú): mùi hôi rất khó chịu.
- c) Cá chậu chim lồng: cảnh sống bó buộc, tù túng, mất tự do.
- d) Bể cạn non mòn: thời gian làm thay đổi mọi thứ.
- e) Buôn thúng bán bưng: chỉ việc buôn bán ít và nhỏ lẻ.

Phần 3: Làm văn (4 điểm)

Tham khảo dàn ý cơ bản sau và thêm vào các nội dung cụ thể (lí lẽ, dẫn chứng):

- Mở đoạn: giới thiệu khái quát về bài thơ lục bát (À ơi tay mẹ, Về thăm mẹ) hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học.

- Thân đoạn:

+ Cảm nghĩ về dung và nghệ thuật của bài thơ lục bát (À ơi tay mẹ, Về thăm mẹ) hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học.

+ Giải thích vì sao em yêu thích.

- Kết đoạn: các yếu tố nội dung và nghệ thuật vừa nêu tác động đến tâm hồn, tình cảm của em như thế nào hoặc nêu bài học của cá nhân em sau khi học bài thơ.

Đề số 2

MA TRẬN:

Mức độ Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Cộng
I. PHẦN ĐỌC - HIỂU	Nhận biết về thể thơ, phương thức biểu đạt	- Chủ đề - Từ loại - Chỉ ra các tiếng mang vần trong 4 câu thơ đầu	- Cảm nhận của bản thân, - Biện pháp tu từ	
Số câu Số điểm Tỉ lệ%	2 0,5 5	3 1,0 10	2 1,5 15	7 3,0 30
II. PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN			- Viết một đoạn văn miêu tả - Viết bài tập làm văn hoàn chỉnh	

Số câu Số điểm Tỉ lệ%			2 7 70	2 7 70
Tổng số câu: Tổng số điểm: Tỉ lệ	2 0,5 5	3 1,0 10	4 8,5 85	9 10 100

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I – MÔN NGỮ VĂN 6

Thời gian làm bài 90 phút

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả đập đờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.
Quê hương biết mấy thân yêu
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau
Mặt người vất vả in sâu
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn.
Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa.*

(Nguyễn Đình Thi, Việt Nam quê hương tại

Câu 1. (1,0 điểm). Khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu đáp án đúng cho mỗi câu hỏi sau:

1. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ lục bát. B. Thể thơ sáu chữ.
C. Thể thơ tám chữ. D. Thể thơ tự do.

2. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

- A. Tự sự. C. Biểu cảm.
B. Miêu tả. D. Nghị luận.

3. Chủ đề của đoạn trích trên là gì?

- A. Tình cảm gia đình. B. Tình yêu quê hương đất nước.
C. Truyền thống văn hóa dân tộc. D. Đấu tranh xây dựng đất nước.

4. Từ nào sau đây **không** cùng loại với các từ còn lại?

- A. Đất nước. B. Quê hương.
C. Thương đau. D. Gái trai.

Câu 2, (0,5 điểm). Chỉ ra các tiếng mang vần trong 4 câu thơ đầu.

Câu 3. (0,5 điểm). Tìm và chỉ ra một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên

Câu 4. (1,0 điểm). Cảm nhận của em về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam

trong đoạn thơ trên (viết khoảng 5 dòng).

II. PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm). Em hãy viết một đoạn văn miêu tả một cảnh đẹp thiên nhiên

mà em biết. Trong đoạn văn có sử dụng phép so sánh (hoặc ẩn dụ hoán dụ) và 2 từ láy. Chỉ rõ biện pháp tu từ và các từ láy đã sử dụng.

Câu 2: (5,0 điểm). Cảm nhận của em về nhân vật bé Hồng trong đoạn trích “Trong lòng mẹ” (Nguyễn Hồng, SGK Ngữ văn 6, tập 1, bộ Cánh Diều).

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN 6

CÂU	NỘI DUNG CẦN ĐẠT					ĐIỂM										
	I. PHẦN ĐỌC - HIỂU															
1	<table border="1"> <tr> <td>Câu hỏi</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>Đáp án</td> <td>A</td> <td>C</td> <td>B</td> <td>C</td> </tr> </table>					Câu hỏi	1	2	3	4	Đáp án	A	C	B	C	1,0
	Câu hỏi	1	2	3	4											
Đáp án	A	C	B	C												
2	Các chữ mang vần -oi - tròi. - hơn-ròn-son.					0,5										
3	HS xác định và chỉ ra một trong các biện pháp tu từ : * Nhân hóa: Việt Nam đất nước ta oi . * So sánh: Sùng gươm vút bỏ lại hiền như xưa . * Hoán dụ: Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên.					0,5										
4	Cảm nhận của em về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam trong đoạn thơ. Đó là - Vẻ đẹp bình dị, ấm no, trù phú của đất nước. - Vẻ đẹp về phẩm chất của những con người trung hậu, đảm đang. son sắt thủy chung, cần cù lam lũ, gan dạ trong chiến đấu mà hiền hành trong đời thường.					1,0										
II. PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN																
1	a. Đảm bảo thể thức dung lượng yêu cầu của một đoạn văn					0,25										
	b. Xác định dùng nội dung chủ yếu : miêu tả một cảnh đẹp thiên					0,25										
	c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn, Có thể tham khảo đoạn văn sau: Ghềnh Đá Đĩa (Phú Yên) quê em là thắng cảnh đẹp nổi tiếng không chỉ trên bản đồ du lịch Việt Nam mà còn vang danh với cả bạn bè quốc tế bởi vẻ đẹp độc đáo và hùng vĩ của thiên nhiên Ghềnh Đá Đĩa được xem là một địa danh du lịch đầy kỳ thú với sự kết hợp tuyệt vời của đá, nước và bầu trời bao la. Từ trên cao ghềnh đá như một tổ ong khổng lồ, đen bóng và gồ ghề. Hoặc có thể ví như những chiếc đĩa, lôm nhôm, xếp chồng lên nhau trong lò gạch. Nơi đây được thiên nhiên ưu ái ban cho vẻ đẹp nên thơ trữ tình, hài hòa non nước, đẹp như một bức tranh thủy mặc. Nếu đến tận nơi quan sát, đứng trên bờ biển tận mắt chứng kiến, chúng ta - sẽ cảm nhận được sự kì diệu mà thiên nhiên mang lại cho nơi đây. Những viên đá với hình thù khác nhau, nằm lộn xộn như chồng chén, đĩa trong các lò gốm sứ. Sóng biển nơi đây cũng mạnh lạ kì. Ngày đêm vỗ bờ, tạo nên bọt trắng xóa cả một vùng. Mảnh đất Phú Yên đầy nắng và gió đã được thiên nhiên hào phóng ban tặng cho những danh lam thắng cảnh và những kỳ quan thiên nhiên kỳ thú, mê hoặc lòng người – Ghềnh Đá Đĩa là một trong những kỳ quan như thế. - Phép so sánh: + ghềnh đá như một tổ ong khổng lồ, đen bóng và gồ ghề; + Những viên đá với hình thù khác nhau, nằm lộn xộn như chồng chén, đĩa trong các lò gốm sứ; - Từ láy: độc đáo, lôm nhôm, lộn xộn.					1,0										
	d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, sử dụng phù hợp biện pháp tu từ, từ láy theo yêu cầu					0,25										
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt					0,25										

2	a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Có đầy đủ các phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận cho sự khi hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng Có thể triển khai theo hướng sau: * Mở bài: Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm, nhân vật, - Đoạn trích “Trong lòng mẹ”, nhà văn đã để lại cho ta ấn tượng sâu đậm về nhân vật bé Hồng và gợi ta suy nghĩ, lắng lòng mình để hiểu thêm về những số phận cùng cảnh ngộ. * Thân bài: Cảm nhận về nhân vật bé Hồng - Nhân vật Bé Hồng là một người con hiếu thảo, giàu lòng yêu thương mẹ - Tình yêu thương mẹ của bé Hồng được cụ thể hóa bằng nỗi khát khao được gặp mẹ, và niềm hạnh phúc mãnh liệt trào dâng khi được gặp mẹ mình. - Tình yêu thương mẹ của bé Hồng được cụ thể hóa bằng nỗi khát khao được gặp mẹ, và niềm hạnh phúc mãnh liệt trào dâng khi được gặp mẹ mình. * Kết bài: Đánh giá chung về nhân vật bé Hồng và giá trị đoạn trích. - Qua đoạn trích, chủ bé Hồng hiện lên là người dũng cảm, và đặc biệt là giàu lòng yêu thương mẹ. - Đoạn trích ca ngợi tình mẫu tử là bất diệt, thiêng liêng, là mạnh mẽ vô biên ở bất cứ hoàn cảnh nào. Và nó chính là thứ hạnh phúc giản dị mà cao quý nhất trên cõi đời này. - Bé Hồng gọi lên trong ta bài học cuộc sống; phải biết cảm thông với những mảnh đời bất hạnh; cần biết trân trọng và yêu thương mẹ, người đã hi sinh cả cuộc đời vì ta	4,0
	d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt	0,25

Đề thi cuối kì 1 lớp 6 môn Ngữ văn Số 3

I. Đọc hiểu

a. Đọc đoạn thơ sau và chọn một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 6):

Mình về với Bác đường xuôi

Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người

Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời

Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường!

Nhớ Người những sáng tinh sương

Ung dung yên ngựa trên đường suối reo

Nhớ chân Người bước lên đèo

Câu 1. Câu nào sau đây nêu không đúng đặc điểm của đoạn thơ trên?

- A. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ lục bát.
- B. Đoạn thơ trên có các tiếng cuối dòng lục vần với tiếng thứ sáu dòng bát.
- C. Đoạn thơ trên có các tiếng cuối dòng bát trước vần với tiếng cuối dòng lục sau.
- D. Đoạn thơ trên có các tiếng cuối dòng lục vần với tiếng cuối của dòng bát.

Câu 2. Từ “nhớ” được lặp lại nhiều lần có tác dụng gì?

- A. Làm nổi bật hình ảnh Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc
- B. Thể hiện tình cảm của Bác Hồ với người dân Việt Bắc
- C. Thể hiện sự gắn bó của Bác Hồ với chiến khu Việt Bắc
- D. Thể hiện tình cảm lưu luyến của người dân Việt Bắc với Bác Hồ

Câu 3. Phương án nào nêu đúng các từ đồng nghĩa trong đoạn thơ trên?

- A. Minh, Bác, Ông Cụ
- B. Bác, Ông Cụ, Người
- C. Minh, Bác, Người
- D. Minh, Ông Cụ, Người

Câu 4. Dòng thơ nào chứa từ láy?

- A. Nhớ chân Người bước lên đèo
- B. Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường!
- C. Ung dung yên ngựa trên đường suối reo
- D. Người đi rừng núi trông theo bóng Người

Câu 5. Phương án nào nêu đúng ý nghĩa mà đoạn thơ trên muốn làm nổi bật?

- A. Tình cảm của Bác Hồ đối với người dân Việt Bắc
- B. Nỗi nhớ da diết của người dân Việt Bắc đối với Bác Hồ
- C. Niềm tự hào của người dân Việt Bắc về Bác Hồ
- D. Niềm tin của người dân Việt Bắc đối với Bác Hồ

Câu 6. Biện pháp nghệ thuật nào thể hiện được nỗi nhớ da diết của người dân Việt Bắc đối với Bác Hồ?

A. Sử dụng các từ ngữ và hình ảnh đẹp

B. Sử dụng nhiều tính từ và động từ

C. Sử dụng biện pháp điệp từ “nhớ”

D. Sử dụng nhiều vần bằng trong các câu thơ

b. Đọc đoạn trích sau và chọn một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 7 đến câu 9)

27-1-1973: KÍ HIỆP ĐỊNH PA-RI (PARIS) CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

Báo Nhân Dân số ra ngày Chủ nhật 28-1-1973 đã in trên trang nhất những dòng chữ to, nét đậm, in hai màu đỏ và đen nổi bật: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã giành được thắng lợi vĩ đại.

Hiệp định Pa-ri đã được kí chính thức. [...]

Trong những ngày tháng Giêng năm bảy mươi ba đó, tất cả các báo chí, các đài phát thanh và vô tuyến truyền hình ở Pa-ri cũng như ở trên thế giới đều liên tiếp đưa tin về Hội nghị Pa-ri và bản Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Trung tâm Hội nghị quốc tế ở Đại lộ Kle-bơ (Kleber) đã trở thành trung tâm thu hút sự chú ý của dư luận toàn thế giới.

Những ngày lịch sử nối tiếp nhau dồn dập.

Ngày 22-1-1973, các chuyên viên của Việt Nam và Hoa Kỳ so lại lần cuối cùng các văn kiện đã thoả thuận xong giữa hai bên.

Ngày 23-1-1973, đúng 12 giờ 30 phút (giờ Pa-ri), Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được kí tắt giữa cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Kít-xinh-giơ (Kissinger). Ngày 27-1-1973, đúng 11 giờ (giờ Pa-ri), Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được kí chính thức giữa các Bộ trưởng Ngoại giao của các bên.

Cùng ngày, bốn nghị định thư của Hiệp định cũng đã được kí kết. Như thế là sau 4 năm, 8 tháng, 14 ngày, với 202 phiên họp công khai và 24 đợt gặp riêng, cuộc đấu tranh của nhân dân ta trên bàn thương lượng đã giành được thắng lợi. Tập văn bản Hiệp định và các nghị định thư bằng hai thứ tiếng Việt và Anh đã được thoả thuận xong. Buổi lễ kí kết đã diễn ra trong khung cảnh trang nghiêm tại phòng họp lớn của Trung tâm Hội nghị quốc tế Kle-bơ. Ở bên ngoài, dọc Đại lộ Kle-bơ, hàng ngàn đại biểu Việt kiều và nhân dân Pháp đã nồng nhiệt vỗ tay, vẫy cờ đỏ sao vàng và cờ xanh đỏ có sao vàng ở giữa, hô khẩu hiệu chào mừng các đại biểu Việt Nam chiến thắng.

(Theo <https://www.maxreading.com>)

Câu 7. Phương án nào nêu đúng căn cứ để xác định đoạn trích trên là văn bản thông tin về một sự kiện lịch sử?

A. Nêu lên các diễn biến quan trọng về việc kí kết Hiệp định Pa-ri

B. Nêu lên các lí do dẫn đến việc kí kết Hiệp định Pa-ri

C. Nêu lên các căn cứ khoa học về việc kí kết Hiệp định Pa-ri

D. Nêu lên tác dụng và ý nghĩa của việc kí kết Hiệp định Pa-ri

Câu 8. So với nhan đề văn bản, thông tin nào sau đây là quan trọng nhất?

- A. Hiệp định đã được kí tắt giữa cố vấn Lê Đức Thọ và Kít-xinh-giơ
- B. Báo Nhân Dân số ra ngày Chủ nhật 28-1-1973 đã đưa tin này
- C. Buổi lễ kí kết đã diễn ra tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Kle-bo
- D. Hiệp định Pa-ri được kí ngày 27-1-1973, chiến tranh đã chấm dứt

Câu 9. Phương án nào sau đây nêu đúng đặc điểm văn bản thông tin thể hiện trong đoạn trích trên?

- A. Nhiều trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn
- B. Nhiều bằng chứng quan trọng được nêu lên
- C. Nhiều lí lẽ được phân tích và làm sáng tỏ
- D. Nhiều ý kiến, nhận định đánh giá về sự kiện lịch sử

Câu 10. Liệt kê ba thông tin theo em là quan trọng trong đoạn trích trên.

II. Viết

Chọn một trong hai đề sau để viết thành bài văn ngắn (khoảng 2 trang).

Đề 1. Hình ảnh người mẹ hoặc người bố trong một bài thơ đã đọc khiến em xúc động nhất.

Đề 2. Em có thích đọc truyện cổ tích không? Vì sao? Hãy trình bày ý kiến của mình.

Đáp án Đề thi cuối kì 1 lớp 6 môn Ngữ văn

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	D	D	B	C	B	C	A	D	A

Câu 10:

3 chi tiết quan trọng:

Báo Nhân Dân số ra ngày Chủ nhật 28-1-1973 đã in trên trang nhất những dòng chữ to, nét đậm, in hai màu đỏ và đen nổi bật: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã giành được thắng lợi vĩ đại. Ngày 23-1-1973, đúng 12 giờ 30 phút (giờ Pa-ri), Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được kí tắt giữa cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Kít-xinh-giơ (Kissinger). Ngày 27-1-1973, đúng 11 giờ (giờ Pa-ri), Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được kí chính thức giữa các Bộ trưởng Ngoại giao của các bên. Cùng ngày, bốn nghị định thư của Hiệp định cũng đã được kí kết.